TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/DS-ST
Ngày 01-8-2024
Về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Kiệt

2. Ông Trần Thanh Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: vụ án dân sự thụ lý số: 39/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị Hồng H, sinh năm 19XX. Địa chỉ: XX Đ, khu phố X, phường X, thị xã Gò Công (nay là TP Gò Công), tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Văn K, sinh năm 19XX và Đặng Thị N, sinh năm 19XX. Cùng địa chỉ: Ấp K 2, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trịnh Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số XX, K, Khu phố Z, Phường C, thị xã Gò Công (nay là TP Gò Công), tỉnhTiền Giang.

(Có mặt ông Nguyễn Văn K, ông Trịnh Văn H; vắng mặt bà Võ Thị Hồng H, bà Đặng Thị N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H trình bày:*

Đại lý S của vợ chồng bà và ông H có bán thức ăn thủy sản cho ông Nguyễn Văn K và bà Đặng Thị N. Khi bán hai bên thỏa thuận cuối vụ tôm ông

K và bà N sẽ trả tiền. Đến ngày 02 tháng 7 năm 2023 sau khi hai bên tiến hành đối chiếu công nợ với nhau thì ông K còn nợ vợ chồng bà số tiền là 204.608.000 đồng. Sau khi kết nợ ông K không trả tiền cho đến nay. Nay bà yêu cầu ông K trả cho vợ chồng bà số tiền nợ thức ăn thủy sản là 204.608.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 02/7/2023, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực. Bà H rút lại yêu cầu đối với bà N, bà không yêu cầu gì đối với bà N trong vụ án này.

** Quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ông có mua bán thức ăn thủy sản với cửa hàng S do bà H và ông H làm chủ. Ngày 02 tháng 7 năm 2023, hai bên thống nhất số tiền ông còn nợ là 204.608.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, không trả một lần được, anh xin trả dần hàng năm, mỗi năm trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả tiền lãi.

** Quá trình tố tụng bà Đặng Thị N trình bày:*

Bà và ông K là vợ chồng, nhưng không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Bàà và ông K không có sự liên quan về tiền bạc, bà không đồng ý trả tiền nợ theo yêu cầu của bà H.

** Quá trình tố tụng ông Trịnh Văn H trình bày:*

Ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của vợ là bà H, yêu cầu ông K trả số tiền mua bán thức ăn thủy sản 204.608.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về "Hợp đồng mua bán tài sản" được xem xét, giải quyết theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, bà H.

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, bà H khởi kiện đối với bị đơn là ông K và N, tuy nhiên ngày 26/6/2024, bà H rút lại yêu cầu đối với bà N, không yêu cầu gì đối với bà N trong vụ án này. Tại phiên tòa, ông H là chồng bà H cũng đồng ý không yêu cầu bà N trả nợ, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của bà H đối với bà N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Bởi lẽ, bà có cung cấp chứng cứ là giấy "Biên bản về việc xác nhận công nợ" viết tay do K ký nhận nợ với bà H, ông H vào ngày 02/7/2023. Như vậy, giữa bà H, ông H và ông K đã xác lập giao dịch mua bán thức ăn thủy sản, quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã được nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, nên phải có nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Hai bên đã thống nhất số tiền còn nợ là 204.608.000 đồng, do đó ông K có trách nhiệm trả cho ông H, bà H là phù hợp pháp luật.

[4] Về lãi suất chậm trả: bà H, ông H yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 02/7/2023 đến nay theo lãi suất chậm trả là 1,5%/ tháng. Xét yêu cầu tính lãi của bà H, ông H Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất, bởi lẽ hai bên có thỏa thuận về trả lãi chậm trả và mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đối với yêu cầu thời gian tính lãi là chưa phù hợp, vì hai bên thỏa thuận đến 01/01/2024 là hạn cuối để ông K trả nợ, Hội đồng xét xử xem xét tính thời gian trả lãi chậm trả là 07 tháng. Như vậy, số tiền lãi chậm trả là: 204.608.000đ x 1,5% x 7 tháng = 21.483. 000đ.

[5] Về thời gian trả nợ: Ông K đồng ý trả tiền còn nợ nêu trên, nhưng đề nghị trả dần là một năm trả 20.000.000 đồng. Đề nghị này không được ông H chấp nhận, đồng thời xét thấy thời gian trả tiền của ông K kéo dài quá lâu, trái với quy định pháp luật, gây thiệt thòi quyền lợi cho phía nguyên đơn. Do đó, buộc ông K trả tiền vốn và tiền lãi khi án có hiệu lực.

[6] Về án phí: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông K thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên Hội đồng xét xử xem xét cho ông K miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H.

Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng H, ông Trịnh Văn H số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ là 204.608.000 đồng, tiền lãi là 21.483.000đ, tổng cộng là 226.091.000đ (Hai trăm hai sáu triệu, không trăm chín mươi mốt ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà H đối với bà N.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn K được miễn nộp án phí do thuộc người cao tuổi.

Bà Võ Thị Hồng H không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền 5.728.100 đồng (Năm triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn một trăm đồng) theo biên lai thu số 0001621 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông H, ông K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H, bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.